

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2025/HC-ST

Ngày: 13 - 5 - 2025

“V/v khiếu kiện quyết định xử phạt
vi phạm hành chính”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Như Tám

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Hồng Xứng

Ông Đỗ Xuân Vinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Cao Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Sơn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2025, tại Điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang và Điểm cầu thành phần Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc xét xử sơ thẩm trực tuyến vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số: 132/2024/TLST-HC ngày 29 tháng 10 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2025/QĐXXST-HC ngày 09 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Người khởi kiện:

Ông Nguyễn Thành Đ1, sinh năm 1991. Nơi thường trú ấp G, xã G, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

Người bị kiện:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Địa chỉ số D đường C, khu phố B, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Lê Quốc T, chức vụ: Phó Chủ tịch (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Nguyễn Văn H - Chức vụ: Phó trưởng Phòng Tư pháp thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- Ông Phạm Hữu K – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã G, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Vườn Quốc gia P. Địa chỉ ấp X, xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T1, chức vụ: Giám đốc (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 9 năm 2024, người khởi kiện ông Nguyễn Thành Đ1 trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất 124,8m² tại tổ A ấp G, xã G, thành phố P, tỉnh Kiên Giang là nằm trong Quyết định thu hồi đất sau thanh tra số 2541/QĐ-UB ngày 28/4/2004 của UBND huyện P, đất này do ông Trần Văn P khai phá từ năm 1996, sau thời gian canh tác ông P chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Thành Đ1 tiếp tục canh tác trồng các loại ngắn ngày và xây dựng một căn nhà cấp 4 sinh sống đến nay.

Ông Nguyễn Thành Đ1 cho rằng không có hành vi chiếm đất, Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 3643/QĐ-XPHC ngày 16/8/2024 không đúng pháp luật, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của ông Đ1.

Ông Nguyễn Thành Đ1 yêu cầu giải quyết hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 3643/QĐ-XPHC ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Chủ tịch UBND thành phố P.

Tại Văn bản số 2796/UBND-NCPC ngày 27 tháng 12 năm 2024, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P trình bày:

Ngày 12/8/2024 UBND xã G phối hợp với các cơ quan có liên quan tiến hành đo đạc, kiểm tra thực tế thửa đất diện tích 124,8 m² do ông Nguyễn Thành Đ1 chiếm đất nông nghiệp loại đất rừng đặc dụng tại khu vực nông thôn, do UBND thành phố P quản lý theo Quyết định 794/QĐ-UBND ngày 25/3/2022 về việc giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Vườn quốc gia P1 tại các xã: C, B, H, G, C, Dương T2, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Từ vụ việc nêu trên, ngày 12/8/2024 Công chức địa chính - xây dựng xã G tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính số 84/BB-VPHC đối với ông Nguyễn Thành Đ1 về hành vi vi phạm hành chính chiếm đất nông nghiệp (loại đất rừng đặc dụng) tại khu vực nông thôn với diện tích 124,8 m² do UBND thành phố P quản lý. Hiện trạng trên diện tích đất 124,8m² ông Đ1 tự ý cất dựng 01 căn nhà có diện tích 124,8 m², kết cấu nền móng xi măng cốt thép, nền lót gạch men, vách tường xây gạch ốp gạch men, mái tôn, mái hiên nhà trần la phong, cột xi măng và khung sắt (theo Biên bản đo đạc hiện trạng thực tế vị trí thửa đất ông Nguyễn Thành Đ1 chiếm, do UBND xã G lập ngày 12/8/2024). Vi phạm điểm a khoản 3 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Biên bản vi phạm hành chính được lập đúng mẫu quy định; căn cứ lập Biên bản, người có thẩm quyền lập Biên bản thể hiện tính đầy đủ, rõ ràng; nội dung xác lập hành vi vi phạm hành chính đầy đủ, chính xác đúng quy định của pháp luật. Trong Biên bản vi phạm hành chính ông Nguyễn Thành Đ1 không thừa nhận về hành vi chiếm đất và không ký tên vào biên bản và không nhận biên bản vi phạm hành chính. Theo điểm b khoản 5 Điều 12 Nghị định 118/2021/NĐ-CP quy định: *“Trường hợp người vi phạm có mặt nhưng từ chối ký vào biên bản thì biên bản phải có chữ ký của đại diện chính quyền cấp xã nơi xảy ra vi phạm hoặc của ít nhất một người chứng kiến xác nhận việc cá nhân, tổ chức vi phạm không ký vào biên bản”*.

Biên bản vi phạm hành chính có xác nhận của đại diện chính quyền xã và UBND xã G, có lập biên bản về việc không nhận Biên bản làm việc và Biên bản vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Thành Đ1.

Trong hồ sơ xử lý vi phạm hành chính ông Nguyễn Thành Đ1 không cung cấp giấy tờ hợp pháp nguồn gốc thửa đất theo quy định của Luật Đất đai.

Liên quan đến ông Trần Văn P, ngày 18/7/2023 UBND xã G có biên bản xác minh diện tích đất ông Nguyễn Thành Đ1 chiếm nằm ở vị trí khác không nằm trong diện tích đất ông Trần Văn P có Quyết định thu hồi đất sau Thanh tra số 2541/QĐ-UB ngày 28/7/2004 và UBND xã G có sơ đồ xác định vị trí, tọa độ diện tích đất ông Nguyễn Thành Đ1 chiếm nằm trong Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 25/3/2022 của UBND tỉnh K.

Ngày 12/8/2024 UBND xã G có tờ trình đề nghị ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đến ngày 16/8/2024 Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 3643/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Thành Đ1, cụ thể:

- Hình thức phạt chính: Phạt tiền 4.000.000 đồng.

- Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc ông Nguyễn Thành Đ1 khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất diện tích 124,8m² và Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm với số tiền 3.551.650 đồng, quy định tại điểm a, d khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ.

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 3643/QĐ-XPHC ngày 16/8/2024 đã được triển khai cho ông Nguyễn Thành Đ1 theo quy định tại Điều 70 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), ông Nguyễn Thành Đ1 không nhận quyết định (gửi qua đường bưu điện, có báo phát 03 lần).

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 3643/QĐ-XPHC ngày 16/8/2024 được Chủ tịch UBND thành phố P ban hành về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, về mức phạt, biện pháp khắc phục hậu quả là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 38, Điều 57, Điều 66, Điều 68 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và điểm a khoản 3 và điểm a, d khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP của Chính phủ. Đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành Đ1.

Tại Văn bản số 714/VQG-DLST&CHSV ngày 12/11/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Vườn Quốc gia P trình bày như sau:

Diện tích 124,8m² thuộc đất Vườn Quốc gia P theo Quyết định số 91/2001/QĐ-TTg ngày 08/06/2001 của Thủ tướng Chính phủ. Theo Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 25/3/2022 của UBND tỉnh K về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Vườn quốc gia P, thì diện tích 124,8m² được đưa ra khỏi Vườn quốc gia thuộc đất nhà nước, quản lý.

Ông Nguyễn Thành Đ1 khiếu kiện yêu cầu hủy Quyết định số 3643/QĐ-XPHC ngày 16/8/2024 của Chủ tịch UBND thành phố P là trái với quy định của pháp luật. Vì thửa đất ông Đ1 khiếu kiện không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành Đ1.

Tại phiên tòa:

- Ông Nguyễn Thành Đ1 cho rằng: Đất nhận chuyển nhượng của ông Trần Văn P vào năm 2019, trước đó ông P bị thu hồi đất sau thanh tra, đất này ông Đ1 đã làm nhà ở ổn định cho đến nay UBND xã G không ngăn cản, đất không giấy tờ theo Luật Đất đai, nay xử phạt hành vi chiếm đất là không đúng.

- Ông Nguyễn Văn H - người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện cho rằng: Đất này thuộc đất rừng đặc dụng do Vườn Quốc gia P quản lý theo Quyết định số 91/QĐ-TTg ngày 08/6/2001 của Thủ tướng Chính phủ, đến năm 2022 UBND tỉnh K ban hành Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 25/3/2022 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Vườn Quốc gia G và có điều chỉnh đưa một phần diện tích đất ra khỏi rừng đặc dụng (trong đó có diện tích đất ông Đ1 chiếm) giao cho UBND thành phố P quản lý. Diện tích đất ông Đ1 chiếm không nằm trong diện tích đất trước đây ông Trần Văn P bị thu hồi đất sau kết luận thanh tra (Quyết định số 2541/QĐ-UBND ngày 28/4/2004 của UBND thành phố P).

- Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ đủ điều kiện để giải quyết vụ kiện.

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính tại phiên tòa sơ thẩm.

Đối với người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính, bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành Đ1 về việc yêu cầu hủy Quyết định số 3643/QĐ-XPHC ngày 16/8/2024 của Chủ tịch UBND thành phố P về xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Thành Đ1.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Việc vắng mặt các đương sự tại phiên tòa:

Người bị kiện vắng mặt, người được ủy quyền của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 158 của Luật Tố tụng hành chính, Tòa án xét xử vắng các đương sự.

[1.2] Thẩm quyền thụ lý và giải quyết vụ án:

Ông Nguyễn Thành Đ1 yêu cầu hủy Quyết định số 3643/QĐ-XPHC ngày 16/8/2024 của Chủ tịch UBND thành phố P về xử phạt vi phạm hành chính, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 30, Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Thời hiệu khởi kiện:

Kể từ ngày ông Nguyễn Thành Đ1 nhận được quyết định đến ngày nộp đơn khởi kiện tại Tòa án chưa hết một năm, còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[2] Tính hợp pháp quyết định bị kiện:

[2.1] Thẩm quyền ban hành quyết định và pháp luật áp dụng:

Chủ tịch UBND thành phố P ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Thành Đ1 là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 38 của Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020). Các văn bản pháp luật áp dụng giải quyết trong việc ban hành quyết định đang có hiệu lực tại thời điểm ban hành quyết định là có căn cứ.

[2.2] Xét nguồn gốc đất, hành vi hành chính theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Thành Đ1:

Diện tích đất 124,8m² ông Nguyễn Thành Đ1 bị xử phạt vi phạm hành chính, về nguồn gốc đất được xác định nằm trong diện tích đất 31.422 ha theo Quyết định số 91/2001/QĐ-TTg ngày 08/6/2001 của Thủ tướng Chính phủ về chuyển hạng khu bảo tồn thiên nhiên P, tỉnh Kiên Giang thành Vườn Quốc gia P. Đến ngày 25/3/2025 UBND tỉnh K ban hành Quyết định số 794/QĐ-UBND cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Vườn Quốc G và có điều chỉnh đưa một phần diện tích đất ra khỏi rừng đặc dụng (trong đó có diện tích đất ông Đ1 chiếm) giao cho UBND thành phố P quản lý.

Ngày 12/8/2022 UBND xã G tiến hành kiểm tra việc sử dụng đất và lập biên bản đo đạc, kiểm tra hiện trạng đất thể hiện ông Nguyễn Thành Đ1 là người trực tiếp sử dụng đất, trên đất đã xây dựng nhà ở, ông Đ1 ký xác nhận biên bản này, theo đó Công chức địa chính thuộc UBND xã G lập biên bản làm việc và lập biên bản vi phạm hành chính, ông Đ1 có mặt nhưng từ chối ký tên, từ chối nhận biên bản vi phạm hành chính, việc này có lập biên bản.

Như vậy, ông Đ1 sử dụng diện tích đất 124,8m² thuộc quyền quản lý của UBND thành phố P mà không được sự đồng ý của tổ chức có quyền sử dụng đất cho phép là hành vi chiếm đất được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Ông Đ1 sử dụng đất không có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, về phía người bị kiện đã chứng minh về nguồn gốc đất và chủ thể quản lý, sử dụng đất, nên việc ông Đ1 cho rằng không có hành vi chiếm đất là không có căn cứ.

[2.3] Xét tính hợp pháp của Biên bản vi phạm hành chính:

Biên bản vi phạm hành chính số 84/BB-VPHC được Công chức địa chính thuộc UBND xã G lập ngày 12/8/2024 đối với ông Nguyễn Thành Đ1 về hành vi vi phạm hành chính chiếm đất nông nghiệp (loại đất rừng đặc dụng) khi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra việc quản lý sử dụng đất đai trên địa bàn xã G là thực hiện đúng thẩm quyền quy định tại Điều 58 của Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và khoản 2 Điều 40 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ. Sau khi kiểm tra, đo đạc thể hiện ông Đ1 chiếm đất có diện tích 124,8m² là có căn cứ, khi lập biên bản vi phạm hành

chính ông Đ1 có mặt nhưng từ chối không ký biên bản, từ chối nhận biên bản vi phạm hành chính, việc này có lập biên bản là phù hợp với b khoản 5 Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

[2.4] Xét tính hợp pháp Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 3643/QĐ-XPHC ngày 16/8/2024:

Chủ tịch UBND thành phố P ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Đ1 là đúng thẩm quyền và thời hạn ra quyết định được quy định tại khoản 2 Điều 38, Điều 66 của Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

Về nội dung, căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 84/BB-VPHC ngày 12/8/2024 thể hiện: “.....ngày 12/8/2024 tại vị trí đất thuộc ấp G, xã G, thành phố P phát hiện ông Nguyễn Thành Đ1 chiếm đất nông nghiệp (loại đất rừng đặc dụng) tại khu vực nông thôn với diện tích 124,8m² do UBND thành phố P quản lý theo Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 25/3/2022 của UBND tỉnh K”. Chủ tịch UBND thành phố P ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Thành Đ1 về hành vi chiếm đất nông nghiệp là đúng quy định theo nhận định tại mục [2.2].

Loại đất ông Nguyễn Thành Đ1 chiếm được xác định đất nông nghiệp (đất rừng đặc dụng) tại khu vực nông thôn, Chủ tịch UBND thành phố P áp dụng hình thức phạt chính, phạt tiền 4.000.000 đồng là mức phạt tiền phù hợp với quy định tại Điều 23 của Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và điểm a khoản 3 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, nên việc ông Đ1 cho rằng xử phạt không đúng pháp luật là không có căn cứ.

Biện pháp khắc phục hậu quả, trong đó có buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm, buộc trả đất, buộc nộp khoản thu lợi bất hợp pháp 3.551.650 đồng là phù hợp với điểm a, d khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Về thời hạn xử phạt, theo quy định tại Điều 58 của Luật xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của mình, người có thẩm quyền đang thi hành công vụ phải kịp thời lập biên bản vi phạm hành chính, cho thấy mặc dù hành vi đã thực hiện trước đó, nhưng tại thời điểm kiểm tra và lập biên bản người vi phạm vẫn đang thực hiện hành vi thì lập biên bản vi phạm tại thời điểm kiểm tra khi thực hiện công vụ, nên thời hạn để tính xử phạt vi phạm hành chính kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính.

[2.5] Xét lời khai của ông Đ1 cho rằng, đất có nguồn gốc do ông Trần Văn P sử dụng bị thu hồi sau thanh tra, ông P chuyển nhượng cho ông Đ1 tiếp tục sử dụng. Thấy rằng, tại Biên bản xác định diện tích đất có quyết định thu hồi sau thanh tra ngày 12/8/2024 do UBND xã G lập thể hiện, diện tích đất ông Đ1 sử dụng không nằm trong Quyết định thu hồi đất sau thanh tra số Quyết định số 2541/QĐ-UBND ngày 28/4/2004 của UBND thành phố P, đất đang do Vườn Quốc gia P1 quản lý, năm 2022 UBND tỉnh K mới điều chỉnh ra khỏi đất của

Vườn Quốc gia P và giao cho UBND thành phố P quản lý tại Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 25/3/2022.

Đối với hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông P với ông Đ1 ngày 12/11/2019 thể hiện, hợp đồng không được công chứng, chứng thực là không hợp pháp, trái với pháp luật về đất đai, nếu ông Đ1 có tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng đất này thì có quyền khởi kiện vụ án khác để được giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Ở trong vụ kiện này, UBND xã G cũng cần chấn chỉnh lại công tác quản lý đất đai trên địa bàn sớm phát hiện việc sử dụng không đúng pháp luật, có biện pháp ngăn chặn kịp thời tránh để xảy ra để việc chiếm sử dụng đất và xây dựng trái phép trong thời gian dài mới thực hiện việc kiểm tra, xử lý.

Như vậy, diện tích đất ông Đ1 sử dụng đang do UBND thành phố P quản lý theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền giao đất đang có hiệu lực pháp luật, ông Đ1 sử dụng đất trong khi không được cho phép và không có giấy tờ chứng minh về quyền sử dụng đất là hành vi chiếm đất.

[3] Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành Đ1.

[4]. Án phí hành chính sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thành Đ1 phải chịu án phí 300.000 đồng, được trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí 300.000.000 đồng theo lai thu số 0010244 ngày 28/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Chủ tịch UBND thành phố P không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 30, 32, 116, 158, 164, 193, 194 của Luật Tổ tụng hành chính.

- Căn cứ các Điều 38, 58, 66, 67, 68 của Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

- Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- Căn cứ Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

- Căn cứ Điều 32 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

1. Xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành Đ1:

Không chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 3643/QĐ-XPHC ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang đối với ông Nguyễn Thành Đ1.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thành Đ1 phải nộp 300.000 đồng, được trừ vào án phí tạm nộp theo lai thu số 0010244 ngày 28/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P không phải nộp án phí.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- UBND tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Như Tám